

# CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ỨNG PHÓ VỚI RỦI RO XÃ HỘI CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

TS. Viên Thế Giang \*  
ThS. Võ Thị Mỹ Hương \*\*

Ứng phó với đại dịch Covid-19 là chủ đề được quan tâm nghiên cứu xuyên suốt trong năm 2020 và có thể trong những năm tiếp theo. Những thay đổi trong nội dung chính sách phát triển kinh tế cũng như hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, lối sinh hoạt của người dân chứng tỏ, dù đại dịch có diễn biến tiếp theo như thế nào thì học cách ứng phó linh hoạt với diễn biến không thể lường trước của dịch bệnh chắc chắn là bài học kinh nghiệm cần được làm rõ hơn. Ứng phó với rủi ro xã hội (ở khía cạnh chung cũng như trong trường hợp cụ thể như đại dịch Covid-19) phải dựa trên các chính sách, pháp luật rõ ràng, cụ thể, linh hoạt để các chủ thể chịu tác động của rủi ro xã hội chủ động trong việc áp dụng biện pháp ứng phó không chỉ bảo đảm an toàn và sống chung với rủi ro xã hội mà còn tận dụng được các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Đối với hoạt động ngân hàng, dù ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 có diễn biến theo chiều hướng nào đi chăng nữa cũng không được phép “đứt gãy” trong cung ứng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ thanh toán trong nền kinh tế. Thực tế này chắc chắn sẽ làm gia tăng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng và do đó, kiểm soát rủi ro xã hội trong hoạt động ngân hàng

của các tổ chức tín dụng cần phải được tiến hành thận trọng, thường xuyên với chính sách, pháp luật cụ thể, rõ ràng, phù hợp với diễn biến, tính chất, quy mô của rủi ro xã hội có ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng.

## 1. Rủi ro xã hội trong hoạt động ngân hàng: Bản chất và phạm vi ảnh hưởng

Cũng như các hoạt động kinh doanh khác trong nền kinh tế thị trường, hoạt động ngân hàng luôn đối diện với rủi ro. Khác với các lĩnh vực kinh doanh khác, rủi ro trong hoạt động ngân hàng có những nét khác biệt về quy mô, mức độ ảnh hưởng, khả năng chống đỡ và đặc biệt luôn có nguy cơ gây nên tình trạng đổ vỡ hệ thống tổ chức tín dụng. Rủi ro ngân hàng truyền thống thường đề cập đến khía cạnh rủi ro tín dụng, nghĩa là loại rủi ro phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng với dấu hiệu nhận diện là tình trạng người đi vay không có khả năng hoặc không có thiện chí trả nợ. Những thay đổi thói quen sản xuất, tiêu dùng hay ảnh hưởng chính sách sẽ tác động trực tiếp đến quy mô, hiệu quả sản xuất kinh doanh và đương nhiên cũng ảnh hưởng đến mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, trang trải chi phí kinh doanh, trong đó có hoàn trả khoản nợ phát sinh từ các giao dịch cấp tín dụng của khách hàng. Sự phát triển ngày càng đa dạng của các nghiệp vụ ngân hàng càng làm cho rủi ro trong hoạt động ngân hàng

cũng tăng lên, trong đó có rủi ro xã hội.

Rủi ro xã hội ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng do nhiều nguyên nhân khác nhau như sự thay đổi của xu hướng sản xuất, tiêu dùng xã hội hay những biện pháp can thiệp, tác động từ phía cơ quan quản lý Nhà nước nhằm ứng phó với những biến động xã hội như dịch bệnh, thiên tai, khủng hoảng kinh tế để giảm thiểu những tác động tiêu cực... Nếu như rủi ro môi trường là loại rủi ro có thể đo lường từ nguy cơ phát sinh, biện pháp ứng phó dự kiến cũng như dự kiến các khoản thu mang tính “bù đắp” nhằm khôi phục lại tình trạng ban đầu do tác động tiêu cực đến môi trường từ việc thực hiện dự án đầu tư thì rủi ro xã hội thường không có dấu hiệu rõ ràng, đôi khi, nó có thể dẫn đến những phán đoán, suy luận sai lầm về xu hướng, quy mô, năng lực giải quyết (của Chính phủ và doanh nghiệp). Về quy mô và phạm vi tác động, rủi ro xã hội thường có độ phủ rộng lớn có thể trên phạm vi toàn xã hội hoặc tất cả các đối tượng. Việc ứng phó với rủi ro xã hội đòi hỏi sự nỗ lực không chỉ từ phía khu vực doanh nghiệp mà còn cần những định hướng chính sách, các quy định pháp luật của Nhà nước được quyết định và ban hành nhanh chóng, kịp thời. Ngoài ra, giải quyết hậu quả của rủi ro xã hội mang lại cũng phải được tiến hành vừa khẩn trương, vừa lâu dài với các biện pháp can thiệp linh hoạt cũng như chiến lược lâu dài.

\* Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM

\*\* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM



Sở dĩ việc ứng phó với rủi ro xã hội phải kết hợp đồng thời giữa biện pháp ngăn ngừa trước mắt với các biện pháp ứng phó lâu dài là ở đặc tính khó đoán định xu hướng cũng như điểm dừng của rủi ro xã hội. Đại dịch Covid-19 xuất hiện được nhìn nhận là rủi ro xã hội điển hình không chỉ ở quy mô, phạm vi tác động, mà còn ở cả sự bị động ứng phó ở cấp độ quốc gia và toàn cầu. Cho đến nay, đại dịch Covid-19 trải qua nhiều lần “bùng phát - kiểm soát - thử nghiệm vắc-xin - tạm lắng - bùng phát - biến thể” như muốn thách thức những nỗ lực không chế của nhân loại. Đại dịch Covid-19 đã và đang tác động mạnh mẽ, sâu rộng đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế cũng như các xu hướng xã hội và do đó, sống chung với Covid-19 dường như đang trở thành xu hướng và như thế, các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được “linh hoạt” theo diễn biến của dịch cũng như sự thay đổi trong chính sách ứng phó của các quốc gia. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến cung ứng dịch vụ ngân hàng của các tổ chức tín dụng là ảnh hưởng “kép” được thể hiện không chỉ ở khả năng gia tăng nợ xấu do sự đình trệ của hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn tác động trực tiếp đến sự thay đổi của dòng vốn tín dụng ngân hàng, nếu không có biện pháp nhận diện, ứng phó, kiểm soát hiệu quả thì có thể dẫn đến bị động, lúng túng trong xử lý. Điều này được minh chứng ở chỗ, rủi ro xã hội tác động đến hoạt động ngân hàng vừa trực tiếp (như ảnh hưởng đến việc cung ứng, sử dụng dịch vụ ngân hàng và gia tăng rủi ro do các hành vi phạm tội), vừa mang tới những tác động gián tiếp (do ảnh hưởng của xu hướng tiêu dùng, giới hạn hoạt



*Đối với hoạt động ngân hàng, dù ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 có diễn biến theo chiều hướng nào đi chăng nữa cũng không được phép “đứt gãy” trong cung ứng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ thanh toán trong nền kinh tế*

động xã hội buộc doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh nên không có doanh thu để trang trải chi phí, trong đó có hoàn trả các khoản vay từ các tổ chức tín dụng). Ứng phó, quản lý, kiểm soát rủi ro xã hội trong hoạt động ngân hàng đòi hỏi tổ chức tín dụng không những phải nâng cao năng lực dự báo khả năng xuất hiện các rủi ro xã hội để có biện pháp ứng phó chủ động, kịp thời mà còn phải liên kết, chia sẻ, phối hợp với các tổ chức tín dụng khác cũng như những biện pháp quản lý, điều tiết, can thiệp của Ngân hàng Nhà nước.

## **2. Đánh giá ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng của tổ chức tín dụng từ khía cạnh rủi ro xã hội**

**Thứ nhất**, đại dịch Covid-19 tác động trực tiếp đến việc gia nhập thị trường, duy trì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã tác động trực tiếp đến việc củng cố, mở rộng quan hệ khách hàng trong cung ứng dịch vụ ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Trong năm 2020, cả nước có 134,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là hơn 2.235,6 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 1.043 nghìn lao động, giảm 2,3% về số doanh nghiệp, tăng 29,2% về vốn đăng ký và giảm 16,9% về số lao động so với năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2020 đạt 16,6 tỷ đồng, tăng 32,3% so với năm trước. Nếu tính cả 3.341,9 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 39,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong năm 2020 là gần 5.577,6 nghìn tỷ đồng, tăng 39,3% so với năm trước. Bên cạnh đó, còn có 44,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 11,9% so với năm 2019, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2020 lên 179 nghìn doanh nghiệp, tăng 0,8% so với năm trước. Trung bình mỗi tháng có 14,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Về doanh nghiệp tạm



ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể trong năm 2020 là 101,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 13,9% so với năm trước; trong đó, 46,6 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn (tăng 62,2%), gần 37,7 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể (giảm 13,8%), gần 17,5 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (tăng 3,7%). Trung bình mỗi tháng có gần 8,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường<sup>1</sup>. Trong 5 tháng đầu năm 2021, dù số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 15,4% nhưng có đến 59,8 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020<sup>2</sup>.

Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động thì sự phục hồi đang ở trạng thái yếu ớt, chưa rõ khả năng phục hồi ổn định, lâu dài. Do vậy, kỳ vọng phát triển khách hàng mới không phải là lựa chọn tối ưu trong bối cảnh hiện nay. Chính vì vậy, yêu cầu “*tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh, nhất là trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19*”<sup>3</sup> vẫn là nhiệm vụ quan trọng, bởi lẽ, dù 42,8% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên, 19% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 38,2% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định<sup>4</sup>, nhưng các kết quả kỳ vọng này hoàn toàn phụ thuộc vào diễn biến không chế dịch Covid-19 ở quy mô toàn cầu cũng như ở cấp độ quốc gia. Vấn đề chính yếu và trung tâm trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng là sàng lọc khách hàng để nhận

diện, đánh giá các khả năng ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh để củng cố, hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn về nguồn vốn nhằm hạn chế tình trạng khách hàng thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh. Nói cách khác, củng cố, duy trì, hỗ trợ khách hàng đã thiết lập quan hệ kinh doanh với tổ chức tín dụng dựa trên các đánh giá, sàng lọc mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh để có các quyết định cấp tín dụng với mức độ rủi ro thấp nhất.

**Thứ hai**, gia tăng nguồn vốn huy động tồn đọng không thể giải ngân do khối đầu tư tư nhân thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh, cùng với những khó khăn trong đón đầu cung cấp dịch vụ ngân hàng phục vụ cho việc triển khai các cam kết tự do hóa thương mại.

Toàn cầu hóa và tự do thương mại được nhìn nhận không chỉ là động lực phát triển kinh tế ở cấp độ quốc gia mà còn ở cấp độ khu vực cũng như toàn cầu, giúp cho quá trình tập trung, chuyên môn hóa sản xuất và phân công lao động quốc tế diễn ra nhanh chóng và có hiệu quả hơn. Ký kết các hiệp định thương mại tự do là phương tiện cho việc thực hiện liên kết thương mại nhiều cấp độ từ hiệp định thương mại song phương cho đến các hiệp định thương mại đa phương. Việc tham gia và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực từ ngày 14/01/2019 và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) được ký kết vào ngày 30/6/2019 hứa hẹn đem lại nhiều cơ hội to lớn đối với Việt Nam do có mức độ cam kết mở cửa thị trường hàng

hóa, dịch vụ, đầu tư sâu rộng và lộ trình ngắn hơn so với đa số các hiệp định thương mại tự do nước ta đã ký kết và tham gia trước đây. Tuy nhiên, diễn biến và mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh đã làm suy giảm tăng trưởng kinh tế ở quy mô toàn cầu, nhất là đối với các quốc gia đang trong giai đoạn đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua việc gia nhập và triển khai các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Việt Nam.

Sự xuất hiện dịch Covid-19 là yếu tố “ngoại lai”, chưa được dự liệu và chưa có tiền lệ xử lý chắc chắn làm cho các kỳ vọng tích cực khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới khó trở thành hiện thực. Điều này cũng có nghĩa, mục tiêu “*hướng ngoại*” để cung ứng dịch vụ ngân hàng xuyên biên giới phục vụ cho nhu cầu đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài hay cung ứng dịch vụ thanh toán thúc đẩy tiến trình tự do hóa thương mại gặp nhiều khó khăn vì mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ, nhà đầu tư là làm thế nào để giảm thiểu đến mức thấp nhất các ảnh hưởng của dịch bệnh đối với quốc gia mình cũng như bảo đảm “*an toàn*” trong dịch bệnh.

**Thứ ba**, nguy cơ gia tăng nợ xấu do thực hiện quy định của Ngân hàng Nhà nước về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 cũng như trong ngắn hạn, các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do sự phục hồi hoạt động kinh doanh sẽ tác động trực tiếp đến khả năng trả nợ. Cần nhìn nhận khách quan, nguyên nhân hay nguy cơ tạo ra nợ xấu rất đa dạng do mục đích sử dụng nguồn vốn tín dụng cho sản xuất kinh doanh cũng như tiêu dùng. Khả năng trả nợ là yếu tố



quyết định đến việc giảm nguy cơ nợ xấu. Tuy nhiên, năng lực trả nợ, nhất là trong trường hợp vốn tín dụng được cấp phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh phụ thuộc vào quy luật của thị trường. Trong bối cảnh nền kinh tế bị suy giảm do tác động của đại dịch Covid-19 thì có thể khẳng định, yếu tố dịch bệnh sẽ làm gia tăng nợ xấu vì các doanh nghiệp buộc phải thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh do giãn cách xã hội, thay đổi thói quen tiêu dùng bởi nguồn thu nhập bị giảm. Kết quả khảo sát của Vietnam Report, 96,15% các chuyên gia và đại diện ngân hàng cho rằng một trong những thách thức lớn nhất với ngân hàng là xu hướng gia tăng nợ xấu dưới tác động của đại dịch Covid-19; nợ xấu tăng kéo theo áp lực thoái thu lãi và trích lập dự phòng, từ đó cũng kéo theo lợi nhuận của ngân hàng bị sụt giảm, nên sức khỏe của nền kinh tế không sớm được cải thiện, các ngân hàng sẽ gặp rủi ro mất vốn<sup>5</sup>. Do đó, kiểm soát chặt chẽ nợ xấu phát sinh mới; thực hiện phân loại nợ và trích lập đầy đủ dự phòng theo quy định là một trong những nhiệm vụ của tổ chức tín dụng trong năm 2021 thông qua việc “Thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19”<sup>6</sup>. Chính vì vậy, hạn chế gia tăng nợ xấu do tác động của dịch Covid-19 cần phải được nhìn nhận như là yếu tố trung tâm của hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng hiện nay. Điều này càng có ý nghĩa quan trọng không chỉ ở khía cạnh giúp cho hệ thống ngân hàng duy trì trạng thái an toàn mà còn duy trì thành quả xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thời gian qua, trong đó “Ưu tiên hỗ trợ các doanh

nh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19; doanh nghiệp có hệ thống quản trị tốt, có khả năng phục hồi sản xuất kinh doanh tốt sau khi dịch bệnh kết thúc”<sup>7</sup> là biện pháp cần được áp dụng triệt để.

**Thứ tư**, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã làm thay đổi thói quen sử dụng dịch vụ tài chính - ngân hàng dựa trên các nền tảng công nghệ và thương mại điện tử trở nên phổ biến hơn, đặt ra áp lực nhanh chóng triển khai việc tích hợp, cung ứng dịch vụ ngân hàng truyền thống vào các nền tảng công nghệ.

Đề cung ứng dịch vụ ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, yếu tố an toàn phải là ưu tiên hàng đầu. Quá trình tích hợp giữa công nghệ và nghiệp vụ ngân hàng cần phải được tiến hành thận trọng và đầu tư lớn. Lựa chọn tiến bộ công nghệ để tạo lập nền tảng và hạ tầng công nghệ an toàn là ưu tiên hàng đầu trong cung ứng dịch vụ tài chính công nghệ của các tổ chức tín dụng. Trong bối cảnh thành tựu công nghệ và ứng dụng thành tựu công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh đang diễn ra nhanh chóng, khuôn khổ pháp luật điều chỉnh hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ cũng mới chỉ dừng lại ở các quan điểm chỉ đạo mang tính định hướng mà chưa thiết lập được khuôn khổ pháp luật thống nhất<sup>8</sup>. Bên cạnh đó, áp lực cải thiện chất lượng dịch vụ, tăng hàm lượng công nghệ, tiện ích trong các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đáp ứng nhu cầu khách hàng, tăng khả năng cạnh tranh có thể tạo ra nguy cơ đe dọa an toàn hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng. Điều này đặt ra đòi hỏi việc đổi mới cung ứng dịch vụ ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ

an toàn phải được tiến hành một cách thận trọng, chọn lọc kỹ lưỡng tiến bộ công nghệ, nguồn nhân lực có chất lượng và khuôn khổ pháp lý dựa trên hoạt động giám sát các hệ thống thanh toán đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và tăng cường an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử, thanh toán thẻ và khuyến khích phát triển các mô hình, dịch vụ thanh toán mới.

**Thứ năm**, trong bối cảnh nhu cầu tín dụng cho phát triển kinh tế giảm, các tổ chức tín dụng cần thiết lập kênh tài trợ tín dụng cho các dự án đầu tư công để vừa bảo đảm tăng trưởng tín dụng an toàn, vừa hạn chế tình trạng gia tăng nợ xấu phát sinh trong và sau khi dịch bệnh được kiểm soát.

Về lý thuyết, theo Đỗ Hoài Linh, việc giảm tăng trưởng tín dụng là cơ hội tốt để các ngân hàng điều chỉnh danh mục cho vay hướng tới một khâu vị rủi ro mới an toàn và bền vững hơn. Mặt khác, cũng có thể xem việc giảm tăng trưởng tín dụng là thời cơ để các ngân hàng hướng tới điều chỉnh danh mục tài sản, tiến tới giảm tỷ trọng tín dụng, tăng các tài sản khác, mặc dù đây là điều không hề dễ dàng vì tín dụng luôn được coi là tài sản cơ bản nhất của kinh doanh ngân hàng nhưng nó cũng mang lại nhiều tổn thất nhất nếu rủi ro tín dụng xảy ra. Chính vì vậy, giảm tỷ trọng tín dụng, giảm thu lãi từ tín dụng, tăng tỷ trọng các hoạt động dịch vụ, từ đó, tăng thu từ những hoạt động phi tín dụng luôn là mục tiêu của nhiều ngân hàng<sup>9</sup>. Nếu ý tưởng huy động các tổ chức tín dụng cấp tín dụng cho các dự án đầu tư công được chấp nhận, các tổ chức tín dụng trở thành mắt xích quan trọng thúc đẩy nhanh quá trình giải ngân nguồn vốn đầu tư công. Điều này được luận giải trên các khía cạnh:



- Các tổ chức tín dụng vẫn làm tốt vai trò là người giữ tiền tiết kiệm cho người dân, dù trong bối cảnh đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn ở các thị trường hứa hẹn mang lại nhiều lợi nhuận cho nhà đầu tư như kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ ăn uống, du lịch, giải trí. Nói cách khác, trong điều kiện thị trường tài sản cất trữ diễn biến phức tạp, các doanh nghiệp ngày càng thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng tiết kiệm hơn trong các quyết định tiêu dùng, sẽ xuất hiện lượng tài sản tiết kiệm ngày càng lớn trong dân cư cần phải được “hút” để thực hiện các mục tiêu của chính sách tiền tệ quốc gia trong bảo vệ giá trị đồng tiền.

- Cấp tín dụng cho các dự án đầu tư công là kênh đầu tư an toàn nhất vì các dự án đầu tư công ít chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và đã được “bảo đảm” bởi Nhà nước.

- Tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng bảo đảm hoạt động thông suốt và giảm thiểu rủi ro do ảnh hưởng của dịch bệnh, cũng như phát triển và mở rộng thị trường.

- Góp phần thúc đẩy nhanh tiến trình giải ngân các dự án đầu tư công do yếu tố “quy trình”, thủ tục bồi lẽ, nguồn vốn cho các dự án đầu tư công đã có trong dự toán, nhưng chưa thể giải ngân đến các địa phương cũng như các dự án cụ thể vì nhiều lý do khác nhau. Chính vì vậy, để cho các “chủ dự án đầu tư công” và các tổ chức tín dụng chủ động phối hợp với nhau nhằm đẩy nhanh tiến độ chấp hành dự toán ngân sách Nhà nước cho các dự án đầu tư là giải pháp tối ưu vừa bảo đảm khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động trong dân cư.

### 3. Kết luận

Sự xuất hiện đột ngột, ngoài dự đoán của đại dịch Covid-19 là một loại rủi ro xã hội điển hình, vì nó làm ngưng trệ các hoạt động xã hội, trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh - lĩnh vực tạo ra của cải vật chất cho xã hội và là địa chỉ để chuyển hóa tài sản tiết kiệm thành tài sản đầu tư. Hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng vừa chịu ảnh hưởng tiêu cực (trực tiếp là giảm tăng trưởng tín dụng cũng như dịch vụ thanh toán, nhất là các thanh toán quốc tế), đồng thời cũng tạo ra cơ hội cho việc tái cấu trúc hoạt động theo hướng thích ứng tốt hơn với những biến động xã hội và đáp ứng tốt hơn nhu cầu người sử dụng dịch vụ ngân hàng trong điều kiện giới hạn hoạt động xã hội. Trước sự xuất hiện đột ngột và diễn biến khó lường của dịch Covid-19, hệ thống ngân hàng đã có sự chuẩn bị thích ứng phù hợp không chỉ của Ngân hàng Nhà nước mà cả các tổ chức tín dụng - chủ thể cung ứng dịch vụ ngân hàng.

Dưới góc độ cơ quan quản lý Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước đã làm tốt các nhiệm vụ được Chính phủ giao để kiểm soát dịch bệnh thông qua việc triển khai nhanh chóng kế hoạch phòng, chống dịch Covid-19 trong hoạt động ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước cũng đã làm tốt vai trò của cơ quan quản lý Nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong việc bảo đảm ổn định trật tự thị trường trong bối cảnh dịch bệnh và chuẩn bị các biện pháp ứng phó cho những diễn biến theo chiều hướng không tích cực. Về dài hạn, Ngân hàng Nhà nước cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn biện pháp ứng phó với rủi ro xã hội trong hoạt động ngân hàng để tạo lập cơ sở pháp lý cho việc

áp dụng các biện pháp ứng phó phù hợp.

Đối với các tổ chức tín dụng, áp lực giảm tăng trưởng tín dụng, nguy cơ gia tăng nợ xấu và rủi ro hệ thống là những nguy cơ phải đối mặt và giải quyết. Bên cạnh đó, thay đổi phương thức cung ứng dịch vụ ngân hàng để vừa bảo đảm an toàn hoạt động giao dịch, tuân thủ quy định về giãn cách xã hội, vừa bảo đảm cung ứng dịch vụ ngân hàng thuận tiện cho người sử dụng đang là các giải pháp được triển khai hiệu quả tại các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, về lâu dài, các tổ chức tín dụng cần chủ động trong việc xây dựng hệ thống phòng ngừa rủi ro xã hội phù hợp với mục tiêu hoạt động, phân khúc khách hàng, chất lượng dịch vụ, khả năng cạnh tranh trong bối cảnh thị trường ngân hàng ngày càng mở rộng và đòi hỏi chất lượng dịch vụ ngày càng cao. ■

<sup>1,4</sup> Tổng cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020, truy cập ngày 27/12/2020 tại địa chỉ: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/baocao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2020/>.

<sup>2</sup> Tổng cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2021, truy cập ngày 29/5/2021 tại địa chỉ: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/05/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-5-va-5-thang-dau-nam-2021/>.

<sup>3</sup> Chính phủ, Nghị quyết số 01/2021/NQ-CP ngày 01/01/2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021.

<sup>5</sup> M.Hồng, Ngân hàng Việt: Thách thức và cơ hội từ khủng hoảng Covid-19, truy cập ngày 14/7/2020 tại địa chỉ: <https://thoibaonganhang.vn/ngan-hang-viet-thach-thuc-va-co-hoi-tu-khung-hoang-covid-19-104052.html>.

<sup>6,7</sup> Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2021.

<sup>8</sup> Xem: Viên Thế Giang, Phát triển dịch vụ fintech trong hoạt động ngân hàng từ thực tiễn pháp luật Việt Nam, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, số 153, tháng 12/2018, tr.29-37.

<sup>9</sup> Đỗ Hoài Linh, Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đối với hoạt động ngân hàng Việt Nam - Những khó khăn và giải pháp, Tạp chí Ngân hàng số 8/2020, truy cập ngày 6/5/2020 tại địa chỉ: <http://tapchinganhang.gov.vn/anh-huong-cua-dich-benh-covid-19-doi-voi-hoat-dong-ngan-hang-viet-nam-nhung-kho-khan-va-giai-phap.htm>